MIRAE ASSET Securities

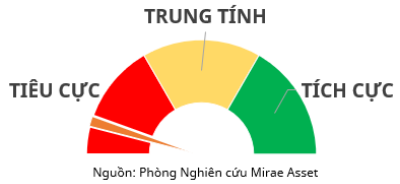
15 Tháng 09, 2026

Bản tin cuối ngày

Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeasset.com.vn

Thang đo sức mạnh thị trường ngắn hạn



Nguồn: Phòng Nghiên cứu Mirae Asset

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN INDEX	1,811.15	1.3	4.7	7.5
HNX	274.13	0.8	-2.1	-2.3
UPCOM	125.47	-0.1	-1.3	13.6
MSCI EM	1,697.85	-1.4	-0.2	27.8
NIKKEI	63,484.10	0.0	-7.6	41.8
HANG SENG	24,667.24	-1.0	-1.8	-6.7
KOSPI	6,627.26	-0.9	-5.0	94.5
FTSE	10,616.28	-0.8	-1.2	14.4
S&P 500	7,619.98	-0.5	-2.1	15.2
NASDAQ	26,186.41	-0.6	-2.0	17.2

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Vietnam	13.1	2.0	16.1
Indonesia	14.6	1.8	12.2
Philippines	9.1	1.2	11.6
Malaysia	14.8	1.6	10.4
Thailand	15.0	1.5	9.3

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	15.5	1.5
Tái cấp vốn	4.5	0	0	0
TPCP 5 năm	4.3	0	4	126
TPCP 10 năm	4.5	0	4	90

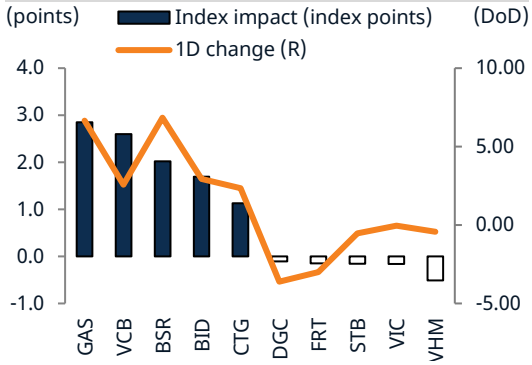
Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US$/VND	25,979	0.0	-0.9	-1.5
US$/KRW	1,363.2	1.1	-3.8	-1.6
US$/JPY	154.99	0.4	-2.8	5.1
US$/EUR	0.8671	0.1	0.4	2.0
US$/GBP	0.7421	0.2	0.5	0.9
US$/SGD	1.2728	0.2	-0.4	-0.6

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 6 tháng
VN-INDEX	643	528	646
HNX	28	27	38
UPCOM	14	11	13

Các cổ phiếu tác động VN-Index



Nhận định thị trường

Dầu khí nối tiếp đà tăng

VN-Index có phiên tăng điểm tích cực trở lại khi chạm đường hỗ trợ MA50 ngày quanh 1.778 điểm trong phiên hôm qua, với thanh khoản đạt mức trung bình 20 phiên. Dòng tiền nước ngoài nổi bật khi có phiên thứ 2 liên tiếp mua ròng, đặc biệt hôm nay tập trung mạnh ở các cổ phiếu thuộc VN30 như VCB, BSR, BID, TCB, MBB, CTG,... đã góp phần nâng đỡ giá cổ phiếu và điểm số xuyên suốt phiên giao dịch. Điểm nhấn chính thuộc về nhóm Dầu khí như BSR, GAS, PVT quay lại xu hướng tăng giá và dẫn dắt ngành thu hút dòng tiền tham gia mạnh mẽ.

VN-Index kết phiên tại 1.811,15 điểm, tăng 22,92 điểm (+1,28%). Thanh khoản giảm so với phiên liền trước với khối lượng khớp lệnh đạt 524 triệu cổ phiếu (-21% DoD), tương ứng 13,468 tỷ đồng. Độ rộng thị trường nghiêng về số mã tăng với 232 mã, trong khi có 86 mã giảm và 53 mã đứng giá.

Top cổ phiếu tác động tích cực lên chỉ số chủ yếu đến từ nhóm Dầu khí (GAS, BSR, PLX), Ngân hàng (VCB, BID, CTG) và một số cổ phiếu khác (GVR, VPL, GEE). Ở chiều ngược lại, áp lực điều chỉnh đến từ cổ phiếu nhóm Vingroup (VHM, VIC, VRE) và các mã riêng lẻ như FRT, KBC, STB...

Khối ngoại mua ròng với giá trị hơn 717 tỷ đồng trên sàn HOSE, giá trị mua ghi nhận tại VCB (+229 tỷ đồng), BSR (158 tỷ đồng) và BID (+125 tỷ đồng). Trong khi chiều ngược lại ghi nhận bán tại VIC (- 343 tỷ đồng), VHM (-212 tỷ đồng) và STB (-66 tỷ đồng)...

Điểm số đánh giá kỹ thuật của VN-Index tăng từ mức -7 điểm lên mức -6 điểm với trạng thái TIÊU CỰC. Hệ số P/E của VN-Index hiện đạt 13.1x.

Nguyễn Thị Kim Ngân, Analyst, 84-8-39102222, ngan.ntk@miraeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Mã	Điểm kỹ thuật	Xu hướng ngắn hạn
VNINDEX	-6	TIÊU CỰC
VN30	-6	TIÊU CỰC
VN30F1M	-6	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	-3	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	0	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	-6	TIÊU CỰC
Kospi	-2	TRUNG TÍNH
Nikkei 225	0	TRUNG TÍNH
FTSE 100 (EU)	-5	TIÊU CỰC
Dow Jones	0	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Vui lòng xem điều khoản miễn trừ ở trang cuối

Phân tích kỹ thuật

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	-6	TIÊU CỰC
VN30	-6	TIÊU CỰC
VN30F1M	-6	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	-3	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	0	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index		Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (15/09/2026)	1.811	Kháng cự 1	1.850
Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)	Tăng	Kháng cự 2	1.900
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 1	1.800
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 2	1.700

VN-Index tăng điểm trở lại khi đã điều chỉnh chạm đường MA50 ngày và trendline hỗ trợ (hình thành khi nối các đáy tháng 07 và tháng 08/2026).

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: fireant.com

CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (15/09/2026)	1.948	Kháng cự 1	**2.000**
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	**TIÊU CỰC**	Kháng cự 2	**2.050**
VN30 - đóng cửa	1.951	Hỗ trợ 1	**1.925**
Chênh lệch **VN30F1M** & **VN30**	**-3,04**	Hỗ trợ 2	**1.900**

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	4	**KHẢ QUAN**
VN30F1M (chart 60 phút)	5	**KHẢ QUAN**
VN30F1M	-6	**TIÊU CỰC**

VN30F1M tăng điểm, đánh giá kỹ thuật ngắn hạn -6 điểm (TIÊU CỰC).

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: fireant.com

TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
DGW	Bán lẻ	46,300	1,953,130	**100**	5	
BVH	Bảo hiểm nhân thọ	70,200	538,090	**92**	7	
D2D	Bất động sản	30,300	40,115	**99**	5	
GAS	Dầu khí	91,400	1,796,255	**99**	5	**Top sức mạnh ngành**
PVD	Dầu khí	19,650	4,733,100	**80**	5	**Top sức mạnh ngành**
DCM	Phân bón	33,800	3,170,010	**89**	5	
PVT	Vận tải Thủy	22,800	5,247,940	**96**	7	

(*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.
(**) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng SMG ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
BSR	30.45	11,021,900	**7**	**KHẢ QUAN**	152,472	7.7	2.0	336
PVT	22.8	5,247,940	**7**	**KHẢ QUAN**	11,786	10.5	1.3	120
BVH	70.2	538,090	**7**	**KHẢ QUAN**	52,111	15.7	2.0	38
PVP	19.95	764,845	**7**	**KHẢ QUAN**	2,069	6.4	1.0	15
QNS	49.9	275,500	**7**	**KHẢ QUAN**	18,346	8.1	1.5	14
GAS	91.4	1,796,255	**5**	**KHẢ QUAN**	220,544	17.3	3.2	164
DCM	33.8	3,170,010	**5**	**KHẢ QUAN**	17,894	7.8	1.6	107
PVD	19.65	4,733,100	**5**	**KHẢ QUAN**	18,230	18.8	1.1	93
DGW	46.3	1,953,130	**5**	**KHẢ QUAN**	10,342	12.2	2.8	90
OIL	14.8	2,010,540	**5**	**KHẢ QUAN**	15,307	43.1	1.5	30
VCB	60	4,762,825	**4**	**KHẢ QUAN**	501,341	12.0	2.0	286
DCL	38.95	823,680	**4**	**KHẢ QUAN**	2,845	#N/A N/A	1.9	32
VC3	23.8	1,203,770	**4**	**KHẢ QUAN**	3,294	49.8	2.3	29
HHP	17.05	1,073,640	**4**	**KHẢ QUAN**	1,572	32.7	1.6	18
PVS	34.2	3,413,520	**3**	**TRUNG TÍNH**	20,989	10.0	1.4	117
FPT	72.7	5,509,535	**2**	**TRUNG TÍNH**	124,632	12.4	3.1	401
MSR	48.3	1,809,705	**2**	**TRUNG TÍNH**	53,122	4,830.0	4.4	87
DPM	23.05	3,178,485	**2**	**TRUNG TÍNH**	15,672	9.5	1.4	73
NTP	52.3	231,970	**2**	**TRUNG TÍNH**	10,734	9.0	2.5	12
PLX	37.35	4,691,965	**1**	**TRUNG TÍNH**	47,457	15.5	1.8	175
DHC	37.1	411,650	**1**	**TRUNG TÍNH**	3,942	7.3	1.6	15
VIC	241.3	6,146,320	**0**	**TRUNG TÍNH**	1,873,016	86.2	10.7	1,483
STB	76	3,627,055	**0**	**TRUNG TÍNH**	143,276	23.4	2.3	276
LPB	47.5	2,842,765	**0**	**TRUNG TÍNH**	141,896	12.6	3.3	135
BID	36.8	3,291,545	**0**	**TRUNG TÍNH**	286,240	8.6	1.5	121
GMD	76.5	1,098,780	**0**	**TRUNG TÍNH**	32,627	13.5	2.4	84
MCH	143	403,500	**0**	**TRUNG TÍNH**	186,959	26.5	9.9	58
HUT	12.8	1,575,910	**0**	**TRUNG TÍNH**	13,674	22.9	1.2	20
VPB	27.65	17,784,744	**-2**	**TRUNG TÍNH**	219,373	7.4	1.2	492
CTG	30.55	6,878,265	**-2**	**TRUNG TÍNH**	237,280	5.9	1.2	210

ACB	22.1	7,061,420	**-2**	**TRUNG TÍNH**	128,278	8.2	1.3	156
VJC	124.4	1,204,130	**-2**	**TRUNG TÍNH**	95,675	43.4	3.6	150
VIB	13.5	4,728,885	**-2**	**TRUNG TÍNH**	50,320	6.8	1.1	64
ORS	13.1	2,905,810	**-2**	**TRUNG TÍNH**	8,173	13.8	1.0	38
HAH	46.5	742,320	**-2**	**TRUNG TÍNH**	8,758	6.7	1.7	35
IDC	31	1,078,510	**-2**	**TRUNG TÍNH**	12,941	6.0	1.9	33
SAB	44.55	653,540	**-2**	**TRUNG TÍNH**	57,138	12.4	2.9	29
SBT	23	1,208,745	**-2**	**TRUNG TÍNH**	20,848	29.4	1.8	28
HAG	14	1,671,635	**-2**	**TRUNG TÍNH**	17,744	5.2	1.1	23
NAF	48	389,035	**-2**	**TRUNG TÍNH**	2,937	13.7	3.3	19
PET	37.9	336,150	**-2**	**TRUNG TÍNH**	5,865	19.2	2.3	13
REE	45.3	281,225	**-2**	**TRUNG TÍNH**	28,217	10.7	1.3	13
HVN	20.55	654,680	**-3**	**TRUNG TÍNH**	63,941	14.0	6.8	13
HDB	27.1	9,675,645	**-4**	**TIÊU CỰC**	135,643	6.8	1.6	262
MBB	20	11,320,115	**-4**	**TIÊU CỰC**	185,265	6.5	1.3	226
VNM	59.7	3,056,260	**-4**	**TIÊU CỰC**	124,770	12.6	3.9	182
MWG	71.2	2,534,780	**-4**	**TIÊU CỰC**	105,165	10.6	2.9	180
VPI	61	2,338,800	**-4**	**TIÊU CỰC**	21,475	53.3	4.0	143
VRE	25.7	5,437,995	**-4**	**TIÊU CỰC**	58,399	8.1	1.2	140
VSC	13.15	10,548,790	**-4**	**TIÊU CỰC**	4,923	14.3	0.9	139
HCM	25.15	3,857,730	**-4**	**TIÊU CỰC**	33,951	23.5	2.1	97
POW	12.45	6,478,160	**-4**	**TIÊU CỰC**	38,195	6.3	0.9	81
EIB	16.1	4,396,255	**-4**	**TIÊU CỰC**	29,990	61.0	1.1	71
MBS	16.6	3,476,005	**-4**	**TIÊU CỰC**	16,615	11.5	1.4	58
CTS	21.7	1,508,445	**-4**	**TIÊU CỰC**	5,908	15.7	2.1	33
VCG	14.5	2,159,685	**-4**	**TIÊU CỰC**	10,124	2.6	0.9	31
DGC	36.05	822,025	**-4**	**TIÊU CỰC**	13,691	6.8	0.9	30
PC1	20.05	1,465,010	**-4**	**TIÊU CỰC**	8,246	8.2	1.2	29
HHV	9.35	2,594,060	**-4**	**TIÊU CỰC**	5,116	8.0	0.5	24
BVS	27.9	795,240	**-4**	**TIÊU CỰC**	2,014	10.5	0.7	22
HDG	15.85	1,202,175	**-4**	**TIÊU CỰC**	6,450	8.8	1.0	19
CTR	73	239,335	**-4**	**TIÊU CỰC**	9,352	14.3	4.2	17
ACV	39.4	424,685	**-4**	**TIÊU CỰC**	141,144	12.7	1.9	17
VHC	50.7	291,875	**-4**	**TIÊU CỰC**	10,619	7.8	1.1	15
CTD	58.3	240,920	**-4**	**TIÊU CỰC**	6,519	7.7	0.7	14
VGC	39.8	329,785	**-4**	**TIÊU CỰC**	17,844	12.5	2.1	13
VHM	71.4	7,842,535	**-5**	**TIÊU CỰC**	586,538	7.4	2.2	560
FRT	129	414,440	**-5**	**TIÊU CỰC**	23,067	20.3	4.8	53
EVF	11.5	1,292,215	**-5**	**TIÊU CỰC**	8,747	9.3	0.8	15
VIX	12.9	42,936,660	**-6**	**TIÊU CỰC**	33,189	6.2	1.0	554
SHB	11.55	47,010,732	**-6**	**TIÊU CỰC**	61,720	4.4	0.7	543
TCB	32.2	14,956,445	**-6**	**TIÊU CỰC**	228,177	8.4	1.3	482
HPG	21.2	19,816,130	**-6**	**TIÊU CỰC**	178,992	7.7	1.3	420
SSI	20.65	20,263,260	**-6**	**TIÊU CỰC**	61,729	12.2	1.5	418
MSN	67.4	4,134,750	**-6**	**TIÊU CỰC**	98,429	14.5	2.6	279
GEX	23	9,474,345	**-6**	**TIÊU CỰC**	30,095	21.9	1.5	218
PNJ	37.2	5,467,140	**-6**	**TIÊU CỰC**	19,036	7.9	1.4	203
VCI	19.8	9,498,235	**-6**	**TIÊU CỰC**	22,814	14.2	1.3	188

SHS	14.2	10,602,055	**-6**	**TIÊU CỰC**	12,772	12.7	1.0	151
VND	14.7	9,933,795	**-6**	**TIÊU CỰC**	22,378	8.3	1.0	146
NVL	12	11,191,525	**-6**	**TIÊU CỰC**	28,825	6.5	0.6	134
CII	12.95	9,891,480	**-6**	**TIÊU CỰC**	8,702	88.6	0.9	128
DXG	10.75	11,484,215	**-6**	**TIÊU CỰC**	13,632	67.9	1.0	123
TPB	14.15	6,472,735	**-6**	**TIÊU CỰC**	39,253	5.2	0.9	92
CEO	11.8	6,429,440	**-6**	**TIÊU CỰC**	7,030	36.3	1.1	76
TCH	11.6	6,036,225	**-6**	**TIÊU CỰC**	11,639	38.9	1.0	70
GVR	30.95	2,260,305	**-6**	**TIÊU CỰC**	123,800	17.2	2.0	70
DIG	10	5,980,670	**-6**	**TIÊU CỰC**	8,442	10.9	0.8	60
PDR	11.6	4,961,245	**-6**	**TIÊU CỰC**	11,575	18.6	0.9	58
NLG	23.85	2,318,685	**-6**	**TIÊU CỰC**	11,572	19.3	0.9	55
BCM	40	874,885	**-6**	**TIÊU CỰC**	41,400	21.9	1.9	35
DBC	16	1,663,055	**-6**	**TIÊU CỰC**	6,897	6.0	0.8	27
HSG	10.15	2,313,515	**-6**	**TIÊU CỰC**	8,194	12.5	0.7	23
E1VFVN30	35	485,290	**-6**	**TIÊU CỰC**	5,975	#N/A Field Not Applicable	#N/A Field Not Applicable	17
FTS	20.4	762,800	**-6**	**TIÊU CỰC**	7,775	18.5	1.8	16
PHR	31.4	486,055	**-6**	**TIÊU CỰC**	7,658	8.2	1.6	15
NKG	10.1	1,430,300	**-6**	**TIÊU CỰC**	4,972	29.9	0.7	14
KDH	15.6	5,098,755	**-7**	**TIÊU CỰC**	17,507	10.7	0.9	80
KBC	26.1	1,276,960	**-7**	**TIÊU CỰC**	24,580	21.4	1.0	33
TCM	16.4	880,905	**-7**	**TIÊU CỰC**	1,929	9.7	0.8	14

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Chi phí LNG tăng cao khiến các quốc gia châu Á giảm ưu tiên khí đốt

Nguồn cung khí tự nhiên hóa lỏng (LNG) bị thiếu hụt do ảnh hưởng của xung đột Trung Đông đang đẩy chi phí đối với các thị trường đang phát triển tại châu Á lên cao, đồng thời buộc các quốc gia phải xem xét lại tương lai dài hạn của loại nhiên liệu này.

Các chuyến hàng vận chuyển LNG từ Qatar đi qua eo biển Hormuz gần như đã ngưng trệ hoàn toàn kể từ khi xung đột bùng phát vào cuối tháng 2. Tình trạng này khiến các bên mua tại châu Á mất đi nguồn cung theo hợp đồng dành cho các nhà máy điện và hoạt động công nghiệp, buộc phải chuyển sang mua LNG trên thị trường giao ngay, nơi giá đang tăng vọt. Theo phân tích của Bloomberg News dựa trên các hồ sơ đấu thầu mua LNG, 5 thị trường mới nổi châu Á ngoài Trung Quốc, bao gồm Ấn Độ, Pakistan, Bangladesh, Thái Lan và Việt Nam đã chi tổng cộng 7,4 tỷ USD cho LNG giao ngay kể từ khi xung đột bắt đầu. Trong khi đó, cùng một khối lượng nhiên liệu này chỉ tốn khoảng 3,1 tỷ USD nếu mua theo các hợp đồng dài hạn trong cùng kỳ năm 2025.

Việc chi phí tăng hơn gấp đôi có thể làm tổn hại đến uy tín của LNG như một nguồn năng lượng đáng tin cậy, đặc biệt là khi tình trạng này diễn ra chỉ vài năm sau khi xung đột Nga-Ukraine cũng từng gây ra tình trạng thiếu hụt và dẫn tới giá tăng đột biến. Vấn đề cốt lõi là các quốc gia cần khí đốt ngay lúc này, bởi họ không thể nhanh chóng thay đổi cơ cấu năng lượng mà không đối mặt với nguy cơ mất điện. Tuy nhiên, về lâu dài, nhiều quốc gia đang tìm cách giảm sự phụ thuộc vào LNG. Các nguồn năng lượng tái tạo như điện mặt trời và điện gió, than đá, điện hạt nhân, hoặc khí đốt sản xuất trong nước và khí đốt vận chuyển qua đường ống là một số phương án thay thế.

Nguồn: tinnhanhchungkhoan.vn

4% nguồn cung dầu toàn cầu đối mặt nguy cơ gián đoạn vì sự cố tại Ả Rập Xê Út

Ả Rập Xê Út có thể cạn kiệt lượng dầu dự trữ dành cho xuất khẩu nếu không sớm khởi động lại đường ống dẫn dầu chính nối ra Biển Đỏ trong vài ngày tới, khi sự cố này có thể dẫn đến việc mất đi 4% nguồn cung toàn cầu. Việc nguồn cung từ Ả Rập Xê Út bị sụt giảm sẽ làm trầm trọng hơn tình trạng khan hiếm nguồn cung toàn cầu, vốn đã đẩy giá nhiên liệu lên mức cao kỷ lục, thúc đẩy lạm phát trên toàn thế giới và đẩy lợi suất trái phiếu Mỹ lên mức cao nhất kể từ cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008.

Kể từ khi các cuộc tấn công bằng máy bay không người lái buộc Ả Rập Xê Út phải đóng cửa đường ống dẫn dầu Đông-Tây vào ngày 11/9, Ả Rập Xê Út vẫn chưa công bố chi tiết đầy đủ về mức độ thiệt hại hay thời gian tuyến đường ống này sẽ ngừng hoạt động. Trong sáu tháng qua, đường ống chạy xuyên qua sa mạc trên Bán đảo Ả Rập này đã giúp Ả Rập Xê Út tránh được những tác động nặng nề nhất từ việc đóng cửa eo biển Hormuz do xung đột - sự kiện vốn đã làm tê liệt hoạt động xuất khẩu của các nước láng giềng.

Ả Rập Xê Út đã sử dụng đường ống trên để chuyển hướng khoảng 4 triệu thùng dầu mỗi ngày - tương đương khoảng 4% nguồn cung toàn cầu - đến cảng Yanbu bên bờ Biển Đỏ. Tuy nhiên, theo thông tin từ các nguồn tin trong ngành am hiểu về hoạt động xuất khẩu của Ả Rập Xê Út do đường ống ngừng hoạt động, lượng dầu dự trữ tại Yanbu hiện chỉ đủ duy trì xuất khẩu trong vòng 5 - 7 ngày. Theo ước tính của ngành, công suất kho chứa tại Yanbu vào khoảng 35 triệu thùng, trong khi các kho chứa tại Ain Sukhna và Sidi Kerir có khả năng lưu trữ lần lượt là 18 triệu và 20 triệu thùng. Các nguồn tin đều cho biết các kho lưu trữ hiện không đầy và sẽ sớm cạn kiệt nếu đường ống Đông-Tây không sớm hoạt động trở lại.

Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) cho biết, nguồn cung dầu của Ả Rập Xê Út đã giảm xuống mức thấp nhất trong hơn ba thập kỷ vào tháng 8, do lưu lượng vận chuyển qua

eo biển Hormuz và Biển Đỏ bị cắt giảm. IEA cũng cho biết nguồn cung dầu toàn cầu sẽ giảm 5,7 triệu thùng/ngày (tương đương khoảng 6%) trong năm nay. Trước khi xung đột bùng nổ, khu vực Trung Đông cung cấp khoảng 22 triệu thùng/ngày. Theo các nguồn tin trong ngành, lưu lượng vận chuyển qua eo biển Hormuz hiện đã giảm xuống chỉ còn từ 6 - 9 triệu thùng/ngày. Tuần trước, Ả Rập Xê Út đã thông báo với OPEC rằng sản lượng dầu của nước này đã giảm xuống còn 6,2 triệu thùng/ngày trong tháng 8, so với mức 10,9 triệu thùng/ngày ghi nhận vào tháng 2, thời điểm trước khi xung đột bắt đầu.

Nguồn: tinnhanhchungkhoan.vn

Nhiều dự án năng lượng tỷ USD ở miền Tây chạy đua tiến độ

Từ Chuỗi khí - điện Lô B - Ô Môn đến Long Phú 1, Sông Hậu 2, nhiều dự án năng lượng lớn tại Đồng bằng sông Cửu Long đang được thúc tiến độ. Trong khi một số dự án đã bước vào thi công hoặc tái khởi động, một số dự án khác vẫn phải xử lý vướng mắc về hợp đồng, vốn, thủ tục đầu tư và những tồn tại kéo dài.

Chuỗi khí - điện Lô B - Ô Môn là một trong những chuỗi dự án năng lượng có quy mô đầu tư lớn tại Việt Nam, gồm phát triển mỏ khí Lô B ở thượng nguồn, hệ thống đường ống vận chuyển khí ở trung nguồn và các nhà máy điện Ô Môn 1, 2, 3, 4 ở hạ nguồn. Tổng quy mô đầu tư toàn chuỗi được xác định gần 12 tỷ USD. Theo Tập đoàn Công nghiệp và Năng lượng quốc gia Việt Nam (Petrovietnam), phần thượng nguồn Lô B đang được đẩy nhanh, trong khi hệ thống đường ống dẫn khí cơ bản bám kế hoạch. Dòng khí đầu tiên dự kiến được đưa về trong năm 2027. Ở phía các nhà máy điện, tiến độ từng dự án có sự khác nhau. Nhà máy Nhiệt điện Ô Môn 1, công suất 660 MW, đang được chuẩn bị chuyển đổi sang sử dụng khí Lô B. Ô Môn 4, công suất 1.155 MW, đã khởi công và đang triển khai các công việc thiết kế, mua sắm, xây lắp. Trong khi đó, Ô Môn 3, công suất 1.050 MW, đã hoàn thành các thủ tục chuẩn bị đầu tư; gói thầu EPC đang trong quá trình đánh giá để lựa chọn nhà thầu.

Cùng với Lô B - Ô Môn, Nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1, công suất 1.200 MW, đang được tái triển khai sau thời gian dài đình trệ. Dự án từng gặp khó khăn do các vấn đề liên quan đến tổng thầu. Sau khi từng bước xử lý các tồn tại, Petrovietnam đã tổ chức lại phần công việc còn lại, chia thành các gói thầu để lựa chọn nhà thầu tiếp tục thực hiện. Hiện, một số gói thầu đã được triển khai. Tuy nhiên, dự án vẫn còn những vấn đề liên quan đến thiết bị, hợp đồng và pháp lý với tổng thầu cũ. Theo đánh giá của Petrovietnam, mục tiêu đưa tổ máy số 1 vào vận hành trong năm 2027 là rất thách thức. Trong Quy hoạch điện VIII điều chỉnh, Long Phú 1 tiếp tục thuộc nhóm các dự án nhiệt điện than đang xây dựng cần thúc đẩy hoàn thành trong giai đoạn đến năm 2030.

Khác với Long Phú 1, Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 2 vẫn còn nhiều vấn đề phải xử lý trước khi có thể tiếp tục triển khai theo kế hoạch. Dự án có công suất 2.120 MW. Theo các tài liệu quy hoạch và kế hoạch triển khai, Sông Hậu 2 thuộc nhóm dự án gặp khó khăn về thu xếp vốn và phương án đầu tư, cần tiếp tục xử lý trước khi triển khai các bước tiếp theo. Như vậy, tiến độ các dự án năng lượng lớn tại khu vực này đang có sự phân hóa rõ rệt: Lô B đã bước sâu hơn vào giai đoạn phát triển mỏ và đường ống; Ô Môn 4 đã thi công; Ô Môn 3 chuẩn bị lựa chọn tổng thầu; Long Phú 1 được tái khởi động, trong khi Ô Môn 2 và Sông Hậu 2 vẫn còn các nút thắt cần tháo gỡ. Ngày 12/9, Phó Thủ tướng Phạm Gia Túc kiểm tra tình hình triển khai các dự án Long Phú 1, Sông Hậu 2, Ô Môn 3 và Ô Môn 4 tại TP. Cần Thơ. Đối với Chuỗi khí - điện Lô B - Ô Môn, Phó Thủ tướng yêu cầu các đơn vị đẩy nhanh tiến độ đồng bộ từ thượng nguồn, trung nguồn đến các nhà máy điện.

Nguồn: vietstock.vn

GAS: Lợi nhuận 8 tháng đạt hơn 14.500 tỷ đồng, chốt quyền cổ tức 25%

8 tháng đầu năm 2026, PVGAS ghi nhận doanh thu hợp nhất trên 108.100 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế vượt mốc 14.500 tỷ đồng (hoàn thành 129% kế hoạch), lợi nhuận sau thuế đạt gần 11.700 tỷ đồng (vượt 130% kế hoạch) và đóng góp ngân sách khoảng 7.000 tỷ đồng.

Ngày 14/09/2026, Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP (PV GAS, mã chứng khoán: GAS) đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) bất thường năm 2026, công bố các nhân sự cấp cao mới cho nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Theo báo cáo của ban điều hành, trong 8 tháng đầu năm 2026, Tổng công ty ghi nhận doanh thu hợp nhất trên 108.000 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế vượt mốc 14.500 tỷ đồng (hoàn thành 129% kế hoạch), lợi nhuận sau thuế đạt gần 11.700 tỷ đồng (vượt 130% kế hoạch) và đóng góp ngân sách khoảng 7.000 tỷ đồng.

Bên cạnh đó, Tổng công ty chốt quyền chi trả cổ tức bằng tiền mặt tỷ lệ 25%, ngày đăng ký cuối cùng vào ngày 23/09/2026. Cổ đông lớn là Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam (Petrovietnam) đặt mục tiêu doanh thu PV GAS tăng bình quân 10-15% mỗi năm trong giai đoạn 2026 - 2030. Đến năm 2030, doanh thu hợp nhất dự kiến đạt 205.000 - 250.000 tỷ đồng, trong đó hoạt động kinh doanh quốc tế chiếm trên 30% và các sản phẩm, dịch vụ mới đóng góp trên 25%. Cùng với đó, PV GAS được định hướng đầu tư các hệ thống LNG trung tâm tại một số khu vực trọng điểm, mở rộng sang năng lượng xanh, năng lượng mới và nghiên cứu đầu tư vào cả thượng nguồn lẫn hạ nguồn.

Nguồn: tinnhanhchungkhoan.vn

VOS: Vosco chốt quyền chia cổ tức 9% bằng tiền

CTCP Vận tải Biển Việt Nam (Vosco, mã VOS) mới thông báo, ngày 02/10 tới đây sẽ chốt danh sách cổ đông để thực hiện chi trả cổ tức năm 2025 bằng tiền mặt, tỷ lệ 9% (tương ứng 10 cổ phiếu được nhận 900 đồng).

Với 140 triệu cổ phiếu đang lưu hành trên thị trường, Vosco sẽ phải chi khoảng 126 tỷ đồng cho đợt chi trả cổ tức lần này. Thời gian thực hiện thanh toán là 26/10/2026. Riêng Tổng công ty Hàng hải Việt Nam (VIMC) - công ty mẹ của Vosco đang nắm giữ 51% vốn, tương đương sở hữu hơn 71,1 triệu cổ phiếu VOS, dự kiến thu về hơn 64 tỷ đồng cổ tức.

Vosco quyết định chia cổ tức đúng vào thời điểm hoạt động kinh doanh của Công ty có tăng trưởng tích cực. Trong nửa đầu 2026, Vosco ghi nhận doanh thu thuần hơn 1.631,1 tỷ đồng, tăng 25,7% so với cùng kỳ năm trước; lợi nhuận sau thuế đạt hơn 45,6 tỷ đồng, trong khi cùng kỳ năm trước lỗ gần 43,6 tỷ đồng.

Theo giải trình của doanh nghiệp, thị trường tàu hàng khô bắt đầu phục hồi từ nửa cuối tháng 3, trong khi mảng container duy trì tương đối ổn định. Việc đưa thêm tàu mới vào khai thác cũng giúp bù đắp phần doanh thu bị thiếu hụt sau quá trình thanh lý, trả lại một số tàu cũ. Năm 2026, VOSCO đặt mục tiêu lợi nhuận trước thuế 275,5 tỷ đồng. Với gần 59 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế đạt được sau nửa đầu năm, doanh nghiệp đã hoàn thành hơn 21% kế hoạch năm.

Tại thời điểm ngày 30/06/2026, tổng tài sản của VOS tăng nhẹ so với đầu năm, lên mức gần 3.956,5 tỷ đồng. Trong đó, tài sản cố định chiếm 34,1% tổng tài sản với gần 1.350,4 tỷ đồng; tiền và các khoản tương đương tiền hơn 578 tỷ đồng, chiếm 14,6% tổng tài sản. Bên kia bảng cân đối kế toán, tổng nợ phải trả ở mức hơn 1.951,7 tỷ đồng, tăng 8,9% so với đầu năm. Trong đó, doanh nghiệp vay và nợ thuê tài chính 683,3 tỷ đồng, chiếm 35% tổng nợ.

Nguồn: tinnhanhchungkhoan.vn

GEX: Gelex lên tiếng về việc nguyên Chủ tịch EVNNPT bị khởi tố

Sau khi ông Đặng Phan Tường - nguyên Chủ tịch HĐTV Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia (EVNNPT) - bị khởi tố, Gelex cho biết vụ việc liên quan đến cá nhân ông Tường và không ảnh hưởng đến hoạt động của Gelex. Ông Tường giữ vị trí lãnh đạo một số công ty trong hệ sinh thái Gelex. Ngày 14/9, Tập đoàn GELEX thông tin liên quan đến ông Đặng Phan Tường hiện là thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Điện lực GELEX (GELEX Electric) và một số công ty thành viên trong hệ thống. Theo GELEX, ông Đặng Phan Tường bị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Bộ Công an (C01) khởi tố trong quá trình điều tra vụ án hình sự xảy ra tại Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia, Công ty CP Tập đoàn PC1 và các công ty có liên quan.

GELEX cho biết, vụ việc liên quan đến cá nhân ông Tường, phát sinh từ giai đoạn trước khi ông tham gia công tác tại hệ thống GELEX. Tập đoàn khẳng định vụ việc không liên quan đến hoạt động của GELEX, GELEX Electric và các công ty trong hệ thống. Tại GELEX Electric, ông Tường giữ vai trò thành viên HĐQT và không trực tiếp tham gia điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày. Hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản lý tài chính và dòng tiền của doanh nghiệp vẫn do bộ máy điều hành thực hiện theo cơ chế quản trị hiện hành. GELEX cho biết hoạt động của doanh nghiệp không bị gián đoạn hay ảnh hưởng bởi việc ông Tường bị khởi tố.

GELEX Electric, CADIVI, THIBIDI đã rà soát các thủ tục quản trị và chuẩn bị phương án nhân sự theo quy định và điều lệ của từng công ty. Cùng ngày, HĐQT GELEX Electric, CADIVI và THIBIDI ban hành nghị quyết thông qua việc tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT đối với ông Đặng Phan Tường. GELEX cho biết, lý do là ông Tường không còn đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HĐQT theo quy định.

Trước đó, ngày 13/9, Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - Công ty Cổ phần (EEMC) - cũng thông báo về thông tin bất thường liên quan đến ông Đặng Phan Tường. Theo EEMC, ông Tường bị C01 khởi tố trong quá trình điều tra vụ án hình sự xảy ra tại Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia, Công ty CP Tập đoàn PC1 và các công ty có liên quan.

Nguồn: cafef.vn

BVB: BVBank sắp chào bán hơn 320 triệu cp, nâng vốn điều lệ lên gần 10,000 tỷ

Ngân hàng TMCP Bản Việt (BVBank, HOSE: BVB) vừa thông báo nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng do UBCKNN cấp. Ngày đăng ký cuối cùng là 24/09. Tương ứng, ngày giao dịch không hưởng quyền là 23/09.

Trước đó, theo công bố ngày 09/07, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã chấp thuận cho BVBank tăng vốn điều lệ thêm tối đa 3,504 tỷ đồng. Trong đó, Ngân hàng dự kiến phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn tối đa 3,204 tỷ đồng và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) với giá trị tối đa 300 tỷ đồng theo mệnh giá đã được ĐHĐCĐ thường niên 2026 thông qua.

Cụ thể, BVBank dự kiến chào bán thêm hơn 320.4 triệu cp (mệnh giá 10,000 đồng/cp), tương ứng tổng giá trị chào bán hơn 3,204 tỷ đồng. Thời gian phân phối dự kiến từ ngày 29/09 - 19/10. Nếu hoàn tất cả 2 phương án trên, vốn điều lệ của BVBank sẽ tăng từ 6,408 tỷ đồng lên khoảng 9,912 tỷ đồng, tương ứng tăng gần 54.7%. Đây sẽ là đợt tăng vốn có quy mô lớn nhất của Ngân hàng từ trước đến nay, sau nhiều lần nâng vốn liên tiếp trong các năm gần đây.

Kế hoạch tăng vốn nằm trong lộ trình củng cố năng lực tài chính của BVBank. Nguồn vốn bổ sung được huy động thông qua phát hành cho cổ đông hiện hữu và ESOP sẽ góp phần tăng quy mô vốn tự có, tạo thêm nguồn lực phục vụ hoạt động kinh doanh và đáp

ứng các yêu cầu về an toàn vốn theo quy định đối với tổ chức tín dụng. Đây cũng là phương án đã được cổ đông Ngân hàng thông qua từ trước và đang từng bước được triển khai sau khi hoàn tất các thủ tục pháp lý.

Nguồn: vietstock.vn

BMI: Bảo Minh triển khai phương án phát hành hơn 15 triệu cổ phiếu trả cổ tức tỷ lệ 10%

Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh (mã BMI) ban hành Nghị quyết về việc triển khai phương án phát hành hơn 15 triệu cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2025, tỷ lệ 10%. Dự kiến thực hiện trong quý III hoặc quý IV/2026 sau khi được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận. Sau khi hoàn tất, vốn điều lệ của Bảo Minh sẽ tăng từ mức 1.505,47 tỷ đồng lên hơn 1.656,02 tỷ đồng.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2026, doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm của Bảo Minh đạt hơn 2.844,9 tỷ đồng, tăng 5,8% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu từ hoạt động tài chính cũng mang về hơn 137,3 tỷ đồng, tăng trưởng 15,4% so với nửa đầu năm 2025. LNST của công ty hơn 182 tỷ đồng, tăng 27% so với cùng kỳ. So với kế hoạch cả năm, BMI hoàn thành khoảng 67% kế hoạch lợi nhuận trước thuế.

Tính đến ngày 30/06/2026, tổng tài sản của Bảo Minh đạt mức 8.647,4 tỷ đồng, tăng 12,7% so với đầu năm, trong đó danh mục đầu tư tài chính ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn nhất với 43,4%. Mới đây, cổ phiếu BMI được đưa ra khỏi diện cảnh báo kể từ ngày 08/09/2026 do Tổ chức kiểm toán có kết luận soát xét là ý kiến chấp thuận toàn phần căn cứ Báo cáo tài chính tổng hợp soát xét bán niên năm 2026.

Nguồn: tinnhanhchungkhoan.vn

LPS: Dự kiến huy động thêm 3,800 tỷ qua kênh trái phiếu

Ngày 11/09, HĐQT CTCP Chứng khoán LPS ban hành Nghị quyết phê duyệt chào bán 2 đợt trái phiếu "3 không" để huy động 3,800 tỷ đồng. Toàn bộ số tiền dự kiến được sử dụng vào hoạt động tự doanh và cho vay. Trong đó, LPS sẽ chào bán 18 triệu trái phiếu mã LPSC12601 từ quý 4/2026-1/2027, nhằm huy động 1,500 tỷ đồng cho hoạt động tự doanh chứng khoán và 300 tỷ đồng cho vay giao dịch ký quỹ, ứng trước tiền bán chứng khoán. Việc giải ngân dự kiến được thực hiện trong quý 4/2026 và/hoặc quý 1/2027.

Sau khi hoàn tất đợt trái phiếu đầu tiên, LPS sẽ triển khai chào bán tiếp 20 triệu trái phiếu mã LPSC12602 từ quý 1-2/2027, huy động 1,500 tỷ đồng cho hoạt động tự doanh và 500 tỷ đồng cho vay ký quỹ, ứng trước tiền bán. Dự kiến 2,000 tỷ đồng này được Công ty giải ngân trong quý 1/2027 và/hoặc quý 2/2027.

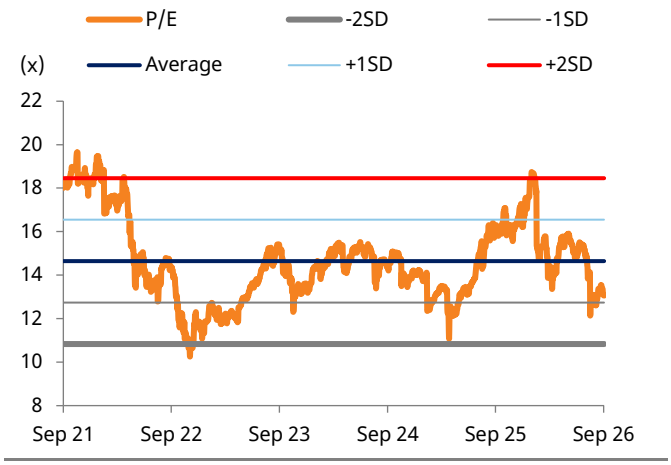
Các lô trái phiếu đều có kỳ hạn 2 năm kể từ ngày phát hành, thuộc loại không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và không có bảo đảm. Tiền lãi trái phiếu sẽ được thanh toán mỗi 6 tháng, với lãi suất cố định 10.5%/năm đối với kỳ đầu tiên, sau đó thả nổi bằng lãi suất tham chiếu cộng biên độ 3.5%/năm.

Theo HNX, LPS hiện đang lưu hành một lô trái phiếu riêng lẻ mã LPSL12601 quy mô 600 tỷ đồng. Trái phiếu có kỳ hạn 1 năm từ ngày 27/08/2026-27/08/2027, lãi suất cố định 10.5%/năm. Trước các đợt huy động vốn thông qua trái phiếu mới đây, LPS còn gây chú ý với thương vụ IPO gần 141.9 triệu cp với giá 30,000 đồng/cp vào tháng 6/2026, thu về hơn 4,256 tỷ đồng. Trong đó, phần lớn số tiền sẽ được dùng vào hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ và đầu tư chứng chỉ tiền gửi, hợp đồng tiền gửi, còn lại bổ sung cho mảng tự doanh và đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin, hệ thống an toàn thông tin.

Nguồn: vietstock.vn

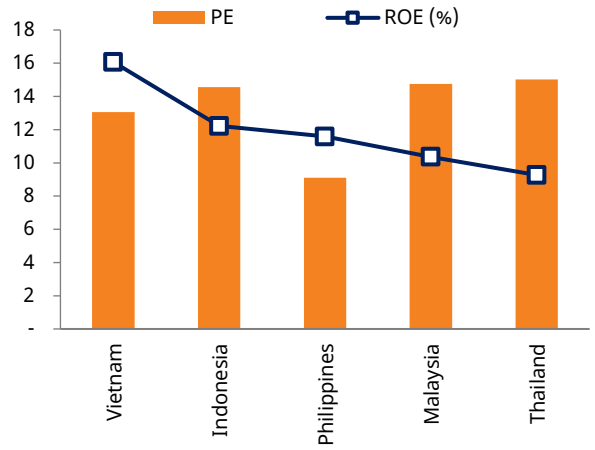
Chỉ báo tham khảo

Biểu đồ định giá P/E lịch sử của VN Index



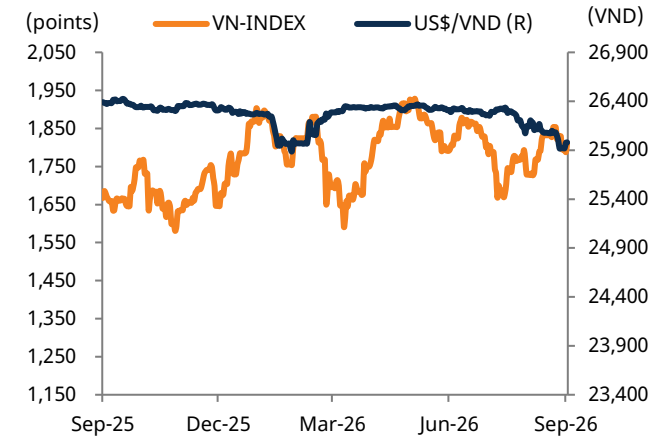
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ định giá P/E và ROE các thị trường



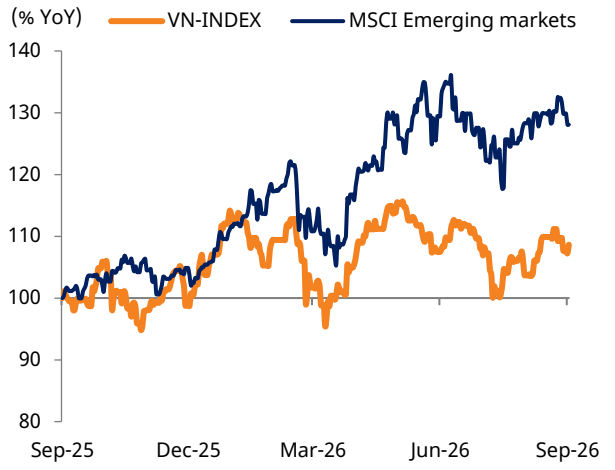
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ VN-Index và tỷ giá USD/VND



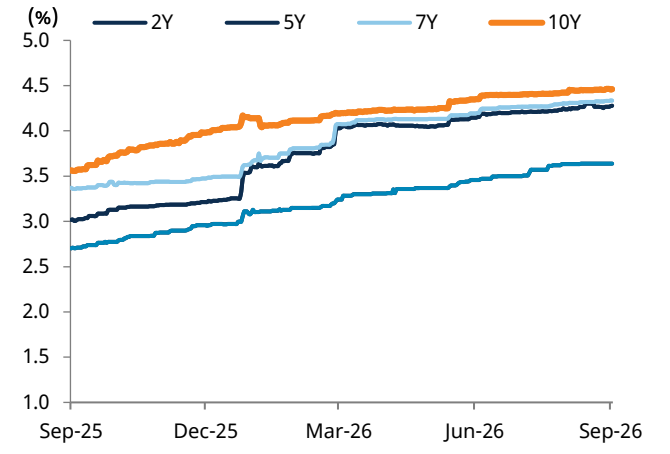
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ VN Index và MSCI Emerging Markets



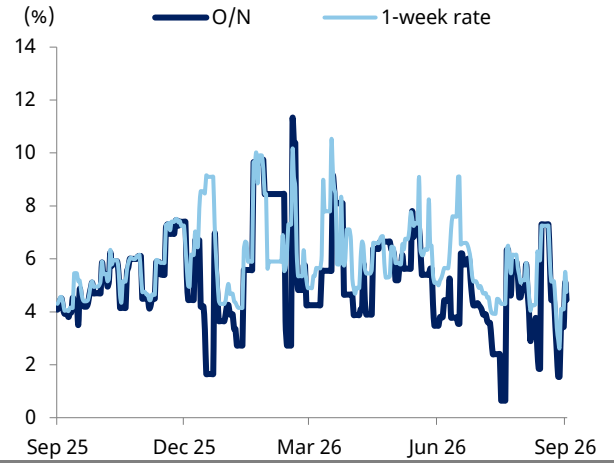
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Vốn hóa	Giá (VND)			Biến động giá (%)				Định giá (TTM)[1]			Sở hữu	Cổ tức			
		(VNDbn)	Đóng cửa	52Wcao	52Wthấp	1D	1W	1M	1Y	P/E	P/B	ROE(%)	Khối ngoại	EXdate	DPS[2]	12T[3]	FY24[4]
VN-Index		**8,597,457**	**1,811.15**	**1,936.55**	**1,578.42**	**1.3**	**-1.1**	**4.7**	**7.5**	**13.1**	**2.0**	**16.1**					
VN30 Index		**6,614,196**	**1,951.14**	**2,121.13**	**1,737.11**	**1.2**	**-0.9**	**4.0**	**4.0**	**11.4**	**2.0**	**18.1**					
Asia Commercial Bank JSC	ACB VN	128,278	22,100	24,071	19,204	0.2	-0.9	-0.2	-5.4	8.2	1.3	16.8	23.6	6/15/2026	619	2.8	3.2
Bank for Investment and Development	BID VN	286,240	36,800	52,975	32,150	2.9	1.7	2.8	-6.8	8.6	1.5	16.5	17.5	7/17/2026	0	1.1	N/A
Petrovietnam Refining and Petrochemical Corp	BSR VN	152,472	30,450	39,600	13,500	6.8	12.8	20.1	75.0	7.7	2.0	30.4	1.2	8/11/2026	300	1.0	0.7
Vietnam Joint Stock Commercial Bank	CTG VN	237,280	30,550	43,500	28,400	2.3	-0.7	-2.9	-14.4	5.9	1.2	22.2	24.6	7/23/2026	0	2.5	1.6
FPT Corp	FPT VN	124,632	72,700	108,700	61,500	0.4	0.7	6.4	-28.7	12.4	3.1	27.3	28.1	5/28/2026	2,000	2.8	3.1
PetroVietnam Gas JSC	GAS VN	220,544	91,400	131,500	56,000	6.7	8.3	20.3	44.6	17.3	3.2	18.4	2.1	9/22/2026	2,500	2.2	2.7
Vietnam Rubber Group Ltd	GVR VN	123,800	30,950	46,500	24,500	3.3	-2.7	-0.8	3.7	17.2	2.0	12.3	N/A	11/13/2025	400	1.3	1.3
Ho Chi Minh City Development JCB	HDB VN	135,643	27,100	30,000	21,783	1.1	-0.9	2.5	12.5	6.8	1.6	25.8	21.7	7/12/2024	0	N/A	1.8
Hoa Phat Group JSC	HPG VN	178,992	21,200	28,045	20,100	1.4	-3.0	-0.2	-23.2	7.7	1.3	17.4	21.8	5/11/2026	455	2.1	1.3
Fortune Vietnam JCB	LPB VN	141,896	47,500	58,500	39,500	3.3	-3.1	-9.4	6.6	12.6	3.3	27.0	1.5	5/14/2026	3,000	6.3	6.3
Military Commercial JCB	MBB VN	185,265	20,000	24,426	17,678	1.5	-0.7	0.0	-10.0	6.5	1.3	22.1	22.1	7/9/2026	828	4.1	4.0
Masan Consumer Corp	MCH VN	186,959	143,000	183,343	125,000	0.8	0.3	4.5	N/A	26.5	9.9	39.4	15.7	8/10/2026	4,074	2.8	3.5
Masan Group Corp	MSN VN	98,429	67,400	94,000	61,700	1.2	-1.5	1.7	-23.8	14.5	2.6	19.5	24.0	7/4/2022	0	N/A	1.7
Mobile World Investment Corp	MWG VN	105,165	71,200	94,400	62,500	2.0	-1.5	-1.7	-10.4	10.6	2.9	30.2	49.0	7/29/2026	2,000	1.4	3.0
Saigon Beer Alcohol Beverage Corp	SAB VN	57,138	44,550	57,100	42,050	-0.4	-0.9	-1.7	-4.6	12.4	2.9	22.6	58.8	7/28/2026	5,000	11.2	10.4
Saigon - Hanoi JSC Bank	SHB VN	61,720	11,550	18,185	11,100	1.3	-2.5	-1.7	-34.2	4.4	0.7	17.5	3.6	6/9/2025	591	N/A	N/A
Southeast Asia JSC Bank	SSB VN	71,662	20,900	20,900	13,234	6.9	16.1	38.9	26.9	24.7	1.7	7.1	0.3	N/A	0	N/A	N/A
SSI Securities Corp	SSI VN	61,729	20,650	32,867	18,083	1.7	-1.7	1.1	-35.5	12.2	1.5	13.9	N/A	8/17/2026	833	4.0	4.2
Saigon Thuong Tin JSC Bank	STB VN	143,276	76,000	79,000	45,950	-0.5	-0.1	5.1	35.7	23.4	2.3	5.0	10.8	11/29/2013	0	N/A	N/A
Vietnam Technological & Commer	TCB VN	228,177	32,200	42,000	27,800	1.1	0.8	0.6	-17.4	8.4	1.3	16.1	20.8	5/19/2026	700	2.2	2.2
Techcom Securities JSC	TCX VN	107,094	38,600	54,000	35,083	1.0	-3.5	-1.4	N/A	17.1	2.3	16.1	8.8	4/7/2026	0	1.1	1.3
Bank for Foreign Trade of Vietnam	VCB VN	501,341	60,000	78,800	52,600	2.6	3.3	2.6	-8.8	12.0	2.0	18.0	19.9	7/23/2026	450	1.5	0.9
Vinhomes JSC	VHM VN	586,538	71,400	86,650	43,450	-0.4	-3.0	4.7	36.7	7.4	2.2	33.1	6.8	6/29/2026	3,000	4.2	2.2
Vietnam International JSC Bank	VIB VN	50,320	13,500	19,817	12,831	1.9	-1.8	2.7	-31.1	6.8	1.1	16.2	3.4	4/29/2026	822	6.1	5.6
Vingroup JSC	VIC VN	1,873,016	241,300	265,000	66,700	0.0	-3.3	20.4	250.2	86.2	10.7	12.6	3.2	8/6/2014	0	N/A	0.0
Vietjet Aviation JSC	VJC VN	95,675	124,400	169,231	98,000	1.2	-1.3	1.0	11.1	43.4	3.6	8.7	6.1	4/23/2019	0	N/A	N/A
Vietnam Dairy Products JSC	VNM VN	124,770	59,700	75,500	54,600	0.7	-2.1	-3.1	-5.4	12.6	3.9	31.1	49.8	6/26/2026	4,350	7.9	7.7
Vietnam Prosperity JSC Bank	VPB VN	219,373	27,650	34,650	23,900	1.7	0.9	10.2	-12.4	7.4	1.2	18.3	22.8	5/15/2026	500	1.8	1.8
Vinpearl JSC	VPL VN	153,507	85,600	111,000	67,000	1.7	3.8	14.9	6.6	51.3	3.5	7.5	6.4	N/A	0	N/A	N/A
Vincom Retail JSC	VRE VN	58,399	25,700	45,200	20,900	-0.2	-1.9	7.3	-16.2	8.1	1.2	15.5	11.5	6/30/2026	1,000	3.9	1.3

Nguồn:MiraeAssetResearch,Bloomberg

Ghi chú:[1]Các chỉ tiêu dự báo theo Bloomberg;[2]DPS:Tỷ lệ chi trả cổ tức; [3]Tỷ suất cổ tức, tính theo giá trị chi trả trong12tháng gần nhất và giá trị thị trường của cổ phiếu;[4]Ước tính tỷ suất cổ tức của năm tài chính hiện tại

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này. Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây. Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này. MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành. Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.